

Số: /2017/TT-BVHTTDL

DỰ THẢO LẦN 3

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành **Thông** quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mẫu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.

2. Thông tư này áp dụng đối với Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thông tin và Cổ động, Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật, Trung tâm Thông tin-Triển lãm, Trung tâm Văn hóa-Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Trung tâm Văn hóa).

3. Thông tư này áp dụng đối với Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa-Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao, Trung tâm Thể dục-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Trung tâm Văn hóa-Thể thao).

4. Thông tư này không áp dụng cho các Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa-Thể thao cùng cấp thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Vị trí:

a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao), có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, có trụ sở, kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, có trụ sở, kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng:

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa-nghệ thuật, thể dục-thể thao, tuyên truyền, cổ động, triển lãm, sự kiện, bồi dưỡng năng khiếu góp phần nâng cao dân trí và đời sống văn hóa cơ sở.

(Căn cứ vào điều kiện, đặc thù và nhu cầu cụ thể của địa phương, những Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh địa phương có hoạt động điện ảnh, hội chợ, quảng cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền căn cứ các văn bản liên quan ban hành Quy chế hoạt động bổ sung thêm chức năng cho phù hợp).

Điều 3. Tên gọi

1. Trung tâm Văn hóa + tên đơn vị hành chính cấp tỉnh.
2. Trung tâm Văn hóa-Thể thao + tên đơn vị hành chính cấp huyện.

Điều 4. Kinh phí hoạt động

1. Nguồn kinh phí hoạt động:

- a) Từ Ngân sách nhà nước;
- b) Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp;
- c) Từ các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp.

2. Nội dung chi:

- a) Chi đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ;
- b) Chi phục vụ các hoạt động dịch vụ, liên kết;
- c) Chi đảm bảo phát triển sự nghiệp.

3. Cơ chế tài chính:

Thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan tài chính chuyên ngành.

Điều 5. Cơ sở vật chất

Khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa cần đảm bảo những yêu cầu sau:

1. Địa điểm: tại khu vực trung tâm của đô thị các tỉnh/thành, khu vực dân cư, thuận lợi giao thông và tổ chức các hoạt động.
2. Trụ sở làm việc.
3. Hội trường đa năng.
4. Địa điểm để tổ chức các loại hình nghiệp vụ nghệ thuật quần chúng, tuyên truyền, cổ động, triển lãm.

5. Địa điểm sinh hoạt câu lạc bộ, học tập nghiệp vụ và bồi dưỡng của các lớp năng khiếu.
6. Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất.
7. Khu cây xanh, vườn hoa, cây cảnh.
8. Phương tiện chuyên dùng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ TIÊU CHÍ CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA CẤP TỈNH, TRUNG TÂM VĂN HÓA- THỂ THAO CẤP HUYỆN

Mục 1

TRUNG TÂM VĂN HÓA CẤP TỈNH

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ, báo cáo Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt.
2. Tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị thông qua các loại hình thức văn hóa nghệ thuật, tuyên truyền cổ động trực quan và các hình thức tuyên truyền khác.
3. Nghiên cứu, thể nghiệm, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các mô hình mẫu nghiệp vụ văn hóa trong hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở của địa phương; biên tập và phát hành các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ cho hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở của địa phương.
4. Hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá chất lượng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; liên kết, phối hợp với thiết chế văn hóa của các ngành và đoàn thể trong thực hành nghiệp vụ.
5. Xây dựng, hướng dẫn, duy trì hoạt động của đội tuyên truyền lưu động, đội văn nghệ quần chúng, nhóm sở thích-câu lạc bộ và các hình thức hoạt động văn hóa, dịch vụ tại chỗ hoặc lưu động.
6. Khai thác, sưu tầm, phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian-truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; tổ chức các cuộc thi sáng tác, liên hoan, hội thi, hội diễn nghệ thuật quần chúng, tuyên truyền lưu động, triển lãm, lễ hội.
7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức của cơ quan và các đơn vị văn hóa cơ sở, các hạt nhân phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng; mở các lớp năng khiếu về văn hóa-nghệ thuật.
8. Tổ chức khảo sát, tham quan, trao đổi nghiệp vụ, giao lưu văn hóa, phát triển sự nghiệp với các đơn vị có liên quan trong nước và quốc tế.

9. Liên kết với các cơ quan, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các dịch vụ văn hóa nghệ thuật, tuyên truyền, triển lãm, quảng cáo, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí theo quy định của pháp luật.

10. Các nhiệm vụ về hoạt động điện ảnh, hội chợ, quảng cáo (chỉ áp dụng nếu Trung tâm có chức năng hoạt động điện ảnh, hội chợ, quảng cáo).

11. Quản lý cán bộ, viên chức, tài chính, tài sản và cơ sở vật chất của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) và trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm;

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao; khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm;

c) Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Các Phòng:

a) Phòng Hành chính-Tổng hợp: Thực hiện các nhiệm vụ về hành chính, tổ chức cán bộ, quản trị, kế hoạch, tài vụ, tổng hợp, dịch vụ.

Chức danh cần có:

- Trưởng phòng và Phó trưởng phòng;

- Nhân sự thực hiện nhiệm vụ: Tổ chức, tổng hợp văn thư, lưu trữ, kế toán, thủ quỹ, kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, bảo vệ, lái xe, tạp vụ.

b) Phòng Nghệ thuật quần chúng: Thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa-văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ, nhóm sở thích; tổ chức các loại hình văn hóa-nghệ thuật, phối hợp thực hiện các dịch vụ văn hóa và biểu diễn nghệ thuật.

Chức danh cần có:

- Trưởng phòng và Phó trưởng phòng;

- Đạo diễn, biên kịch, biên đạo múa, sáng tác âm nhạc, phương pháp viên, nhạc công.

c) Phòng Tuyên truyền cổ động, triển lãm: Thực hiện các nhiệm vụ về tuyên truyền, cổ động trực quan, triển lãm, quảng cáo; vận động, liên kết, phối hợp với các lực lượng xã hội tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch.

Chức danh cần có:

- Trưởng phòng và Phó trưởng phòng;

- Biên tập viên, họa sỹ, phương pháp viên và các hướng dẫn viên.

d) **Đội Tuyên truyền lưu động:** Thực hiện theo Thông tư số 20/2014/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện, Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện.

Căn cứ vào điều kiện, đặc thù và nhu cầu cụ thể của địa phương, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) thống nhất cùng Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung tổ chức bộ máy, biên chế Trung tâm (có thể thành lập thêm một số phòng chuyên môn như: Phòng Tổ chức sự kiện, Phòng Tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em, Phòng Tài chính-Kế toán...).

3. Số lượng người làm việc:

- a) Trung tâm xây dựng đề án vị trí làm việc để xác định số lượng người làm việc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.
- b) Giám đốc Trung tâm được ký hợp đồng lao động khi thực hiện một số công việc theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quan hệ công tác

1. Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao).

2. Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp công tác chuyên ngành của Cục Văn hóa cơ sở và các Cục, Vụ liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp công tác chuyên ngành và phối hợp tổ chức hoạt động với Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện và cơ sở.

4. Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh liên kết, phối hợp tổ chức hoạt động; giúp đỡ, hướng dẫn chuyên môn, phương pháp công tác với thiết chế văn hóa của các ngành, các tổ chức kinh tế-xã hội, đơn vị sự nghiệp văn hóa và đoàn thể quần chúng ở địa phương.

5. Các đoàn thể, tổ chức xã hội nằm trong Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các đoàn thể, tổ chức xã hội đó.

Điều 10. Tiêu chí

TT	TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ CỤ THỂ THEO QUY MÔ DÂN SỐ	
			Quy mô dân số (nghìn người) < 1.000	Quy mô dân số (nghìn người) > 1.000
1	Diện tích đất đang sử dụng	Diện tích đất quy hoạch	- Tối thiểu từ 5.000m ² trở lên	- Tối thiểu từ 10.000m ² trở lên
2	Quy mô xây dựng	- Hội trường; - Phòng làm việc của	- Từ 800 chỗ ngồi trở lên	- Từ 1.200 chỗ ngồi trở lên

		Lãnh đạo; - Các Phòng nghiệp vụ; - Các Phòng chức năng; - Các Phòng học chuyên ngành.		
3	Trang thiết bị	3.1. Hội trường đa năng: - Trang bị âm thanh, ánh sáng. - Đạo cụ, trang phục.	- Đủ công suất phục vụ tối thiểu 800 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn	- Đủ công suất phục vụ tối thiểu 1.200 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn
		3.2. Phương tiện vận chuyển	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng và xe ô tô trợ diễn viên	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng và xe ô tô trợ diễn viên
		3.3. Phương tiện hoạt động nghiệp vụ	- Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ	- Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ
		3.4. Trang thiết bị phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi, giải trí cho trẻ em	- Đảm bảo phục vụ nhu cầu của trẻ em	- Đảm bảo phục vụ nhu cầu của trẻ em
4	Trình độ cán bộ	4.1. Cán bộ quản lý	- Đại học hoặc sau đại học chuyên ngành văn hóa - nghệ thuật hoặc công tác lâu năm trong ngành và được bồi dưỡng về văn hóa - nghệ thuật; - Chính trị: từ Trung cấp lý luận trở lên. - Có thâm niên công tác trong ngành từ 05 năm trở lên.	- Đại học hoặc sau đại học chuyên ngành văn hóa - nghệ thuật hoặc công tác lâu năm trong ngành và được bồi dưỡng về văn hóa - nghệ thuật; - Chính trị: từ Trung cấp lý luận trở lên. - Có thâm niên công tác trong ngành từ 05 năm trở lên.
		4.2. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ	- Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa - nghệ thuật. - 90% có trình độ Đại học, Cao đẳng. - 10% có trình độ Trung cấp và có năng khiếu ca, múa, nhạc...	- Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa - nghệ thuật. - 90% có trình độ Đại học, Cao đẳng. - 10% có trình độ Trung cấp và có năng khiếu ca, múa, nhạc...
5	Tổ chức hoạt động	5.1. Hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ: - Số chương trình văn hóa - văn nghệ hoạt động tại chỗ; - Số chương trình văn hóa - văn nghệ hoạt	- Tối thiểu 20 chương trình/năm - Tối thiểu 10 chương trình/năm	- Tối thiểu 20 chương trình/năm - Tối thiểu 10 chương trình/năm

		động lưu động; - Số buổi hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động.	- Tối thiểu 120 buổi/năm	- Tối thiểu 120 buổi/năm
		5.2. Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	- Tối thiểu 06 lớp năng khiếu/năm	- Tối thiểu 06 lớp năng khiếu/năm
		5.3. Số Câu lạc bộ, nhóm sở thích hoạt động trong Trung tâm	- Tối thiểu 05 Câu lạc bộ, nhóm sở thích	- Tối thiểu 05 Câu lạc bộ, nhóm sở thích
		5.4. Liên kết, phối hợp tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm
		5.5. Các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các Trung tâm Văn hóa-Thể thao cơ sở trong địa bàn: - Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa-nghệ thuật cho cơ sở; - Ấn hành tài liệu nghiệp vụ.	- Tối thiểu 03 lớp/năm - Tối thiểu 06 số; 1.800 bản/năm	- Tối thiểu 03 lớp/năm - Tối thiểu 06 số; 1.800 bản/năm
		5.6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm
		5.7. Tổ chức các hoạt động khác: tổ chức sự kiện văn hóa, lễ hội, du lịch cấp tỉnh, vùng...	- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các quy định khác của pháp luật	- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các quy định khác của pháp luật
		5.8. Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm	- Tối thiểu 20.000 lượt người/năm	- Tối thiểu 25.000 lượt người/năm

* Địa phương có chức năng hoạt động về điện ảnh, hội chợ, quảng cáo..., căn cứ thực tế của địa phương để ban hành bổ sung tiêu chí của những hoạt động này.

Mục 2 TRUNG TÂM VĂN HÓA-THỂ THAO CẤP HUYỆN

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm (sau khi báo cáo và được sự chấp thuận của Phòng Văn hóa-Thông tin) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động văn hóa-nghệ thuật, tuyên truyền cổ động, triển lãm, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật.

3. Tổ chức các hoạt động thể dục-thể thao; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp và điều kiện tập luyện cho các tổ chức và cá nhân.

4. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao ở cơ sở.

5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao.

6. Sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống.

7. Tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp.

8. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

9. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm: gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc: Là người đứng đầu Trung tâm; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về nhân sự, tài sản và toàn bộ hoạt động của Trung tâm;

b) Phó Giám đốc: giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công; khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một trong các Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của Trung tâm;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Tổ hành chính-tổng hợp: Thực hiện nhiệm vụ về hành chính-quản trị, tổng hợp; xây dựng kế hoạch, tài chính, kế toán; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực cán bộ, cộng tác viên và cơ sở vật chất của Trung tâm;

b) Tổ văn hóa-văn nghệ: Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa-văn nghệ cho cơ sở;

c) Tổ thể dục-thể thao: Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tập luyện, thi đấu thể dục-thể thao, hướng dẫn phong trào thể dục-thể thao cho cơ sở;

d) Đội tuyên truyền lưu động: Thực hiện theo Thông tư số 20/2014/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện, Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện.

3. Số lượng người làm việc:

a) Trung tâm xây dựng đề án vị trí làm việc để xác định số lượng người làm việc trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định;

b) Căn cứ nhiệm vụ và nhu cầu cụ thể, Giám đốc Trung tâm báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 13. Tiêu chí

1. Diện tích đất sử dụng (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời):

a) Đối với huyện có quy mô dân số ít hơn 100.000 người, diện tích tối thiểu từ 2.500m² trở lên;

b) Đối với huyện có quy mô dân số từ 100.000 người trở lên, diện tích tối thiểu từ 5.000m² trở lên.

2. Nội dung tiêu chí khác:

TT	TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ CỤ THỂ THEO VÙNG	
			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
1	Quy mô xây dựng	1.1. Hội trường	- Tối thiểu 500 chỗ ngồi	- Tối thiểu 300 chỗ ngồi
		1.2. Công trình thể dục thể thao	- Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao	- Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao
		1.3. Công trình phụ trợ - Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà - Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời - Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa	- Tối thiểu 12m x 8m - Tối thiểu 500m ² - Tối thiểu 800m ²	- Tối thiểu 9m x 6m - Tối thiểu 400m ² - Tối thiểu 500m ²
2	Trang thiết bị	2.1. Hội trường đa năng: - Trang bị âm thanh, ánh sáng	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 500 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 500 người	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 300 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 300 người

		- Đạo cụ, trang phục	- Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn	- Đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn
		2.2. Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao
		2.3. Phương tiện vận chuyển	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng
3	Trình độ cán bộ	3.1. Cán bộ quản lý	- Đại học hoặc sau Đại học chuyên ngành Văn hóa; Thể dục thể thao; từ Trung cấp lý luận chính trị trở lên. - Có thâm niên công tác 03 năm trở lên.	- Đại học hoặc sau Đại học chuyên ngành Văn hóa; Thể dục thể thao; từ Trung cấp lý luận chính trị trở lên. - Có thâm niên công tác 03 năm trở lên.
		3.2. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ	- Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa; Thể dục thể thao - 80% có trình độ Đại học - 20% có trình độ Cao đẳng, Trung cấp	- Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa; Thể dục thể thao - 60% có trình độ Đại học - 40% có trình độ Cao đẳng, Trung cấp
4	Tổ chức hoạt động	4.1. Hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ: - Số chương trình hoạt động tại chỗ - Số chương trình hoạt động lưu động - Số buổi hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động - Số chương trình hoạt động phối hợp, liên kết	- Tối thiểu 20 chương trình/năm - Tối thiểu 10 chương trình/năm - Tối thiểu 100 buổi/năm - Tối thiểu 06 chương trình/năm	- Tối thiểu 12 chương trình/năm - Tối thiểu 06 chương trình/năm - Tối thiểu 100 buổi/năm - Tối thiểu 03 chương trình/năm
		4.2. Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	- Tối thiểu 12 lớp năng khiếu/năm	- Tối thiểu 08 lớp năng khiếu/năm
		4.3. Số cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm	- Tối thiểu 04 cuộc/năm
		4.4. Số cuộc thi đấu thể thao trong năm	- Tối thiểu 08 cuộc/năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm
		4.5. Các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các Trung tâm Văn hóa-Thể thao cơ sở trong địa bàn: - Tập huấn chuyên	- Tối thiểu 06	- Tối thiểu 04 lớp/năm

	môn, nghiệp vụ về Văn hóa-Thể thao cho cơ sở - Ấn hành tài liệu nghiệp vụ	lớp/năm - Tối thiểu 06 số; 1.800 bản/năm	- Tối thiểu 03 số; 1.000 bản/năm
	4.6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm	- Đạt 20% thời gian hoạt động của Trung tâm
	4.7. Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm	- Tối thiểu 10.000 lượt người/năm	- Tối thiểu 8.000 lượt người/năm

Điều 14. Quan hệ công tác

1. Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.
3. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.
4. Có trách nhiệm và nghĩa vụ hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thiết chế văn hóa, thể thao cấp dưới.
5. Hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các đoàn thể, tổ chức xã hội đó.
6. Trung tâm quan hệ với các đối tác trong việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Thông tư này ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quy định về Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện. Việc thành lập, giải thể Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ.
3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) có trách nhiệm tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và định hướng Quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2017

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở) để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ VHTTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị trực thuộc;
- Sở VHTTDL, Sở VH&TT các tỉnh/ thành;
- UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VHCS, LAT.1300.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện